

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 15/01/2025

“V/v tranh chấp về hợp đồng  
dân sự hụi”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Mỹ Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Bùi Minh Châu;
- Bà Nguyễn Thị Oanh Kiều.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa:* Không có

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024, về việc “tranh chấp về hợp đồng dân sự hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Phương T, sinh ngày 27/01/1987;

Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

*Bị đơn:*

- Anh Huỳnh Văn K, sinh năm 1987;

- Chị Phạm Thị S, sinh ngày 30/4/1987;

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2024 và tại Biên bản hòa giải ngày 22/11/2024 của nguyên đơn chị Phan Thị Phương T trình bày: Nguyên vào khoản tháng 7 năm 2024, chị có quen biết vợ chồng anh Huỳnh Văn K và chị Phạm Thị

S. Cũng trong thời điểm tháng 7 năm 2024 này, vợ chồng anh K và chị S bắt đầu tổ chức kêu gọi chơi hội ngày cụ thể:

- 01 dây hội ngày 100.000đồng/ngày mở ngày 12/6/2024 âm lịch với tổng số người chơi là 80 người, trong đó tôi chơi 10 chân, hội kết thúc là ngày 23/8/2024 âm lịch tôi đóng được 70 lần hội, còn lại 10 chân hội của tôi hết cuối với tổng số tiền hội là 69.000.000đ nhưng vợ chồng anh K và chị S không giao.

- 01 dây hội ngày 100.000đồng/ngày, mở ngày 23/6/2024 âm lịch với tổng số người chơi là 80 người, trong đó tôi chơi 10 chân, hội kết thúc là ngày 03/9/2024 âm lịch tôi đóng được 59 lần hội, với tổng số tiền là 5.900.000đ x 10 chân = 59.000.000đ. Tuy nhiên vào ngày 21/8/2024 âm lịch, vợ chồng anh K và chị S ngưng hội không lý do, không trả tiền cho tôi.

- 01 dây hội ngày 100.000đồng/ngày, mở ngày 23/6/2024 âm lịch với tổng số người chơi là 70 người, trong đó tôi chơi 05 chân, hội kết thúc là ngày 29/8/2024 âm lịch tôi đóng được 59 lần hội, với tổng số tiền là 5.900.000đ x 5 chân = 29.500.000đ. Tuy nhiên vào ngày 21/8/2024 âm lịch, vợ chồng anh K và chị S ngưng hội không lý do, không trả tiền cho tôi.

Bên cạnh đó, vợ chồng anh K và chị S còn thiếu tôi là 18.325.000đ ở dây hội cũ, mở ngày 02/06/2024 âm lịch.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng anh Huỳnh Văn K và chị Phạm Thị S có trách nhiệm liên đới trả cho tôi số tiền hội còn thiếu tổng cộng là 175.825.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn chị Phạm Thị S trình bày: Tôi thừa nhận tôi và chồng tôi là anh Huỳnh Văn K có làm chủ hội và vợ chồng có thiếu chị Phan Thị Phương T số tiền hội là 175.825.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Tôi và chồng tôi anh Huỳnh Văn K hiện đang sinh sống tại khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, vợ chồng tôi có đăng ký kết hôn đúng quy định, tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn, làm ăn thất bại nên chúng tôi chưa trả số tiền này cho chị T.

Do đó qua yêu cầu của chị Phan Thị Phương T, tôi thống nhất cùng với anh Huỳnh Văn K trả cho chị T số tiền hội còn thiếu là 175.825.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), không tính lãi. Về án phí dân sự sơ thẩm yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn anh Huỳnh Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Huỳnh Văn K không đến Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phan Thị Phương T khởi kiện bị đơn anh Huỳnh Văn K và chị Phạm Thị S yêu cầu trả số tiền hụi còn thiếu tổng cộng là 175.825.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi nên đây là vụ kiện “tranh chấp về hợp đồng dân sự hụi” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, nhưng nguyên đơn chị Phan Thị Phương T và bị đơn Phạm Thị S đã có đơn xin vắng mặt còn bị đơn Huỳnh Văn K đã được tòa án triệu tập họp lệ lần 2, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc nguyên đơn chị Phan Thị Phương T khởi kiện yêu cầu anh Huỳnh Văn K và chị Phạm Thị S liên đới trả cho chị Phan Thị Phương T số tiền hụi còn thiếu tổng cộng là 175.825.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi là có căn cứ. Vì bị đơn chị Phạm Thị S đã thừa nhận vợ chồng chị có nợ chị T số tiền hụi là 175.825.000đ như chị T trình bày nhưng do điều kiện kinh tế gặp khó khăn chưa trả cho chị T. Do đó, việc chị Phan Thị Phương T khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị S và anh Huỳnh Văn K trả cho chị số tiền 175.825.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với bị đơn anh Huỳnh Văn K không đến Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến nhưng chị Phạm Thị S là vợ anh Huỳnh Văn K có cung cấp Trích lục kết hôn và đã thừa nhận vợ chồng có làm chủ hụi, có nợ chị Phan Thị Phương T số tiền 175.825.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) nên anh Huỳnh Văn K và chị Phạm Thị S phải liên đới trả số tiền hụi nêu trên cho chị T.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Phương T được chấp nhận nên bị đơn anh Huỳnh Văn K và chị Phạm Thị S phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, chị T được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2, 9 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Phương T.

Buộc bị đơn anh Huỳnh Văn K và chị Phạm Thị S phải liên đới trả cho chị Phan Thị Phương T số tiền hụi còn thiếu là 175.825.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phan Thị Phương T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Phan Thị Phương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.396.000đ (Bốn triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0012132 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

- Buộc anh Huỳnh Văn K và chị Phạm Thị S liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.791.000đồng (Tám triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Minh Châu Nguyễn Thị Oanh K1**

**Phan Thị Mỹ D**